

PHÒNG GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO THÀNH PHỐ HẠ LONG  
TRƯỜNG THCS BÃI CHÁY

----- \*\*\*-----

PHƯƠNG HƯỚNG CHIẾN LƯỢC PHÁT TRIỂN  
NHÀ TRƯỜNG GIAI ĐOẠN 2020 – 2025  
(BỔ SUNG ĐIỀU CHỈNH THÁNG 10/2023)

*Bãi Cháy, tháng 10 năm 2023*

PHÒNG GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO THÀNH PHỐ HẠ LONG  
TRƯỜNG THCS BÃI CHÁY

----- \*\*\*-----

PHƯƠNG HƯỚNG CHIẾN LƯỢC PHÁT TRIỂN  
NHÀ TRƯỜNG GIAI ĐOẠN 2020 – 2025  
(BỔ SUNG ĐIỀU CHỈNH THÁNG 10/2023)

*Bãi Cháy, tháng 10 năm 2023*

UBND THÀNH PHỐ HẠ LONG  
PHÒNG GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO

Số: 346/QĐ-PGDĐT

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Hạ Long, ngày 29 tháng 12 năm 2023

**QUYẾT ĐỊNH**

**Về việc phê duyệt Phương hướng Chiến lược phát triển giáo dục  
của trường THCS Bãi Cháy, giai đoạn 2020 – 2025  
(Bổ sung, điều chỉnh tháng 10/2023)**

**TRƯỜNG PHÒNG GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO**

*Căn cứ Luật Giáo dục ngày 14 tháng 6 năm 2019;*

*Căn cứ Thông tư 18/2018/TT-BGDĐT ngày 22/8/2018 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về Ban hành Quy định về kiểm định chất lượng giáo dục và công nhận đạt chuẩn quốc gia đối với trường trung học cơ sở, trường trung học phổ thông và trường phổ thông có nhiều cấp học;*

*Căn cứ Thông tư số 32/2020/TT-BGDĐT ngày 15/9/2020 của Bộ Giáo dục và Đào tạo “V/v ban hành Điều lệ trường THCS, trường THPT và trường THPT có nhiều cấp học”;*

*Theo đề nghị của trường Trung học cơ sở Bãi Cháy về việc đề nghị phê duyệt Phương hướng Chiến lược phát triển giáo dục giai đoạn 2020 – 2025 (bổ sung, điều chỉnh tháng 10/2023).*

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Phê duyệt nội dung Phương hướng Chiến lược phát triển giáo dục của trường THCS Bãi Cháy, giai đoạn 2020 – 2025 (bổ sung, điều chỉnh tháng 10/2023).

*(Có chiến lược phát triển giai đoạn 2020 -2023 bổ sung, điều chỉnh kèm theo).*

**Điều 2.** Giao Hiệu trưởng trường Trung học cơ sở Bãi Cháy phổ biến, quán triệt và tổ chức triển khai các nhiệm vụ theo nội dung của Phương hướng Chiến lược phát triển giáo dục đến các tổ chức đoàn thể; cán bộ, giáo viên, nhân viên trong đơn vị; thường xuyên giám sát, nắm bắt, đón đầu, kiểm tra tiến độ thực hiện các nhiệm vụ theo lộ trình; hằng năm tổ chức đánh giá, rà soát, kiểm tra để điều chỉnh Phương hướng chiến lược phát triển cho phù hợp với chỉ đạo của ngành và tình hình thực tiễn tại địa phương.

**Điều 3.** Các ông (bà) Hiệu trưởng, cán bộ, giáo viên, nhân viên; các tổ chức, đoàn thể thuộc trường Trung học cơ sở Bãi Cháy căn cứ Quyết định thi hành./.

**Nơi nhận:**

- Như điều 3;
- Lưu: VT.



PHÒNG GD & ĐT HẠ LONG  
TRƯỜNG THCS BÃI CHÁY

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 245/CLPT - THCS

Bãi Cháy, ngày 05 tháng 10 năm 2023

**PHƯƠNG HƯỚNG**  
**CHIẾN LƯỢC PHÁT TRIỂN TRƯỜNG THCS BÃI CHÁY**  
**Giai đoạn 2020 – 2025**  
**(Bổ sung, điều chỉnh tháng 10/2023)**

**I. CÁC CĂN CỨ XÂY DỰNG:**

- Luật Giáo dục số 43/2019/QH14, ngày 14/6/2019 của Quốc Hội nước CHXHCN Việt Nam.

- Nghị quyết số 29-NQ/TW ngày 4 tháng 11 năm 2013 BCH Trung ương Đảng khóa XI về “Đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo, đáp ứng yêu cầu công nghiệp hóa, hiện đại hóa trong điều kiện kinh tế thị trường định hướng XHCN và hội nhập quốc tế”;

- Nghị quyết số 88/2014/QH13 ngày 28/11/2014 về Đổi mới chương trình, sách giáo khoa giáo dục phổ thông;

- Nghị định 71/2020/NĐ-CP, ngày 30/6/2020 của Chính phủ quy định lộ trình thực hiện nâng trình độ chuẩn được đào tạo của giáo viên mầm non, tiểu học, THCS;

- Nghị định số 115/2020/NĐ-CP ngày 25/9/2020 của Chính phủ về việc tuyển dụng, sử dụng và quản lý cán bộ, công chức trong các đơn vị sự nghiệp của nhà nước;

- Thông tư số 20/2023/TT-BGDĐT ngày 30/10/2023 của Bộ GDĐT về việc Hướng dẫn về vị trí việc làm, cơ cấu viên chức theo chức danh nghề nghiệp và định mức số lượng người làm việc trong các cơ sở giáo dục phổ thông và các trường chuyên danh mục khung vị trí việc làm và định mức số lượng người làm việc trong các cơ sở giáo dục phổ thông công lập;

- Thông tư số 27/2017/TT-BGDĐT ngày 08/11/2017 quy định tiêu chuẩn, nhiệm vụ, quyền hạn và cử GV làm tổng phụ trách đội thiếu niên tiền phong Hồ Chí Minh trong các cơ sở GDPT công lập;

- Thông tư 29/2017/TT-BGDĐT Ban hành quy chế xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp giáo viên mầm non, phổ thông công lập.

- Thông tư số 14/2018/TT-BGDĐT ngày 20/7/2018 ban hành quy định chuẩn hiệu trưởng cơ sở giáo dục phổ thông.

- Thông tư 18/2018/TT-BGDĐT ngày 22/8/2018 ban hành Quy định về kiểm định chất lượng giáo dục và công nhận đạt chuẩn quốc gia đối với trường THCS;

- Thông tư 20/2018/TT-BGDĐT Ban hành quy định chuẩn nghề nghiệp giáo viên cơ sở giáo dục phổ thông

- Thông tư số 32/2018/TT-BGDĐT ngày 26/12/2018 của Bộ Giáo dục và Đào tạo, ban hành CTGDPT tổng thể và chương trình các môn học, hoạt động giáo dục

- Thông tư số 13/2020/TT-BGDĐT, ngày 26 tháng 5 năm 2020 của Bộ Giáo dục và Đào tạo Ban hành Quy định tiêu chuẩn cơ sở vật chất các trường mầm non, tiểu học, trung học cơ sở, trung học phổ thông và trường phổ thông có nhiều cấp học.

- Thông tư 32/2020/TT-BGDĐT, ngày 15/9/2020 của Bộ giáo dục về ban hành Điều lệ trường THCS, THPT và trường phổ thông có nhiều cấp học;

- Nghị quyết Đảng bộ Tỉnh Quảng Ninh lần thứ XV, nhiệm kỳ 2020-2025; Nghị quyết đảng bộ Thành Phố Hạ Long lần thứ XXV, nhiệm kỳ 2020-2025; Nghị quyết Đại hội đại biểu Đảng bộ phường Bãi Cháy lần thứ XII, nhiệm kỳ 2020 – 2025 ngày 12/5/2020;

- Căn cứ Chỉ thị số 38- CT/TU ngày 05/9/2023 của ban thường vụ Tỉnh Ủy Về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng, quản lý của Nhà nước trong nâng cao chất lượng giáo dục phổ thông tỉnh Quảng Ninh giai đoạn 2023 - 2025, định hướng đến năm 2030;

- Thực hiện Kế hoạch số 278/KH-TU ngày 14/11/2023 của Thành ủy Hạ Long Kế hoạch thực hiện chỉ thị số 38 - CT/TU ngày 05/9/2023 của ban thường vụ Tỉnh Ủy Về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng, quản lý của Nhà nước trong nâng cao chất lượng giáo dục phổ thông tỉnh Quảng Ninh giai đoạn 2023 - 2025, định hướng đến năm 2030;

- Thực hiện Kế hoạch số 435/KH-UBND ngày 29/11/2023 của UBND Thành phố Hạ Long Kế hoạch thực hiện Kế hoạch số 278/KH-TU ngày 14/11/2023 của Thành ủy Hạ Long Kế hoạch thực hiện chỉ thị số 38 - CT/TU ngày 05/9/2023 của ban thường vụ Tỉnh Ủy Về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng, quản lý của Nhà nước trong nâng cao chất lượng giáo dục phổ thông tỉnh Quảng Ninh giai đoạn 2023 - 2025, định hướng đến năm 2030;

- Căn cứ vào Nghị quyết Đại hội Chi bộ trường THCS Bãi Cháy khóa X nhiệm kỳ 2022 – 2025 ngày 05/7/2022;

- Thực hiện theo Phương hướng chiến lược phát triển trường THCS Bãi Cháy giai đoạn 2020 – 2025 tại văn bản số 213/PHCL-THCS ngày 21/10/2020 và kết quả đạt được qua các năm học 2020 – 2023;

- Theo đề nghị của Hội đồng trường, Trường THCS Bãi Cháy điều chỉnh bổ sung phương hướng chiến lược phát triển giai đoạn 2020 – 2025 điều chỉnh bổ sung từ năm 2023 - 2025 cụ thể như sau:

**PHƯƠNG HƯỚNG**  
**CHIẾN LƯỢC PHÁT TRIỂN TRƯỜNG THCS BÃI CHÁY**  
**Giai đoạn 2020 – 2025**

**II. TÌNH HÌNH NHÀ TRƯỜNG**

**1. Khái quát chung:**

**1.1. Quá trình hình thành và phát triển Nhà trường**

Trường Trung học cơ sở Bãi Cháy tiền thân là trường Trung học phổ thông cấp 2,3 Bãi Cháy được tách ra năm 2001 và thành lập ngày 24 tháng 7 năm 2001 theo quyết định số 244/KHTV của Sở Giáo dục và Đào tạo tỉnh Quảng Ninh. Trường nằm ở trung tâm phường Bãi Cháy, là địa bàn trọng điểm về du lịch, dịch vụ của thành phố Hạ Long; Năm học 2010 – 2011, được sự quan tâm của các cấp ủy Đảng, chính quyền địa phương, trường được xây mới với khuôn viên rộng 9.406 m<sup>2</sup> thuộc địa bàn tổ 3 khu 9A phường Bãi Cháy đảm bảo đủ cơ sở vật chất đáp ứng tốt việc dạy và học. Các khu nhà học, khu hiệu bộ đã được xây dựng kiên cố; cơ sở vật chất đảm bảo cho các hoạt động giáo dục của nhà trường. Năm học 2019 – 2020, với quy mô phát triển, nhà trường được thành phố ban giao quản lý cơ sở 2 tại điểm trường Ao cá tại tổ 6 khu 9B phường Bãi Cháy với diện tích rộng 9.434m<sup>2</sup> tạo điều kiện thuận lợi về cơ sở vật chất phục vụ cho công tác giáo dục của địa phương.

Ngày đầu thành lập, đội ngũ cán bộ, giáo viên, nhân viên nhà trường có 19 người, đến nay có 60 người, trong đó: cán bộ quản lý 02, giáo viên 57, nhân viên 01; 100% cán bộ, giáo viên, nhân viên có trình độ đạt chuẩn, trong đó trình độ Thạc sĩ chiếm 15.8%; chất lượng chuyên môn nghiệp vụ sư phạm đáp ứng được yêu cầu đổi mới giáo dục. Đội ngũ giáo viên tâm huyết, yêu nghề, nhiệt tình, trách nhiệm, có bề dày kinh nghiệm trong công tác giáo dục, có trình độ chuyên môn tốt; luôn tự học, tự bồi dưỡng nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ, tích cực đổi mới, sáng tạo trong thực hiện nhiệm vụ, cống hiến hết mình cho sự nghiệp giáo dục của nhà trường, của thành phố và của tỉnh.

Khi mới thành lập, trường có 12 lớp với 561 học sinh, đến nay trường có 36 lớp với 1655 học sinh. Chất lượng giáo dục hàng năm có sự chuyển biến rõ rệt, tỷ lệ học sinh khá giỏi đạt trên 75%, học sinh có hạnh kiểm tốt, khá đạt trên 98%, tỷ lệ học sinh lên lớp đạt trên 98%, tỷ lệ học sinh tốt nghiệp THCS đạt 100%, học sinh thi đỗ vào trường THPT đạt 60% - 70%, các em say mê tìm tòi, nghiên cứu khoa học, đạt giải cao trong cuộc thi Khoa học Kỹ thuật, Sáng tạo Thanh Thiếu niên - Nhi đồng các cấp, nhiều học sinh có năng khiếu trong các lĩnh vực văn nghệ, thể dục thể thao, số lượng học sinh giỏi các cấp duy trì top 5 trường trung học cơ sở đứng đầu trên địa bàn thành phố Hạ Long.

Nhiều năm liên tục chỉ bộ nhà trường được đánh giá hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ (2019-2023), nhà trường đạt danh hiệu tập thể Lao động xuất sắc (2019-2023), Thủ tướng Chính phủ tặng Bằng khen (năm 2019), Ủy ban nhân dân tỉnh tặng Cờ thi đua dẫn đầu khối THCS (năm 2018, 2020), Ủy ban nhân dân thành phố Hạ Long tặng Giấy khen về thành

tích xuất sắc trong phong trào thi đua yêu nước, giai đoạn 2015-2020; Công đoàn liên tục đạt danh hiệu công đoàn cơ sở vững mạnh, được Liên đoàn Lao động thành phố tặng Giấy khen; Liên đội liên tục đạt vững mạnh xuất sắc, được thành đoàn, tỉnh đoàn tặng Giấy khen; trường liên tục đạt danh hiệu “Cơ quan văn hóa” cấp thành phố; đạt tiêu chuẩn an toàn về an ninh trật tự, phòng chống tai nạn thương tích; được công nhận đạt chuẩn quốc gia giai đoạn 2017- 2022, đạt kiểm định chất lượng cấp độ 1.

## **1.2. Thực trạng Cơ cấu tổ chức, đội ngũ cán bộ giáo viên, nhân viên và học sinh của Trường**

### **1.2.1. Về cơ cấu tổ chức chuyên môn, các tổ chức chính trị - xã hội và đội ngũ cán bộ quản lý, giáo viên và nhân viên**

Cơ cấu tổ chức chuyên môn và các tổ chức chính trị - xã hội của Trường gồm:

- Số tổ chuyên môn: 03 tổ chuyên môn.
- Chi bộ Đảng: trực thuộc Đảng ủy phường Bãi Cháy - TP Hạ Long - Quảng Ninh, gồm 46 đồng chí.
- Công đoàn cơ sở nhà trường thuộc Công đoàn ngành Giáo dục thành phố Hạ Long - Quảng Ninh.
- Chi đoàn giáo viên gồm 19 đoàn viên và Đoàn THCS Hồ Chí Minh

Quy mô đội ngũ cán bộ quản lý, giáo viên và nhân viên của Trường được thể hiện qua số liệu của bảng 1.

**Bảng 1. Quy mô đội ngũ CBQL, GV và NV của Trường THCS Bãi Cháy**

| TT | Năm học     | Đảng viên | Cán bộ quản lý, GV, NV |                |           |           | Trình độ |         |                     |
|----|-------------|-----------|------------------------|----------------|-----------|-----------|----------|---------|---------------------|
|    |             |           | Tổng số                | Cán bộ quản lý | Giáo viên | Nhân viên | Thạc sĩ  | Đại học | Cao đẳng; Trung cấp |
| 1  | 2018 - 2019 | 36        | 58                     | 2              | 49        | 7         | 2        | 45      | 5                   |
| 2  | 2019 - 2020 | 43        | 64                     | 2              | 54        | 8         | 5        | 50      | 3                   |
| 3  | 2020 - 2021 | 39        | 67                     | 2              | 56        | 9         | 7        | 48      | 1                   |
| 4  | 2021 - 2022 | 42        | 66                     | 2              | 55        | 9         | 8        | 49      | 0                   |
| 5  | 2022 - 2023 | 44        | 67                     | 2              | 57        | 8         | 8        | 52      | 0                   |

Chất lượng đội ngũ CBQL, GV và NV của nhà trường được xác định qua kết quả thi đua, kết quả đánh giá viên chức theo chuẩn nghề nghiệp và được thể hiện qua số liệu thông kê của bảng 2 và 3 dưới đây.

**Bảng 2. Kết quả thi đua của CBQL, GV và NV của Trường qua các năm học**

| Năm học     | TS cán bộ, giáo viên, nhân viên | Giáo viên dạy giỏi |                 |           | Giáo viên chủ nhiệm giỏi |               | Sáng kiến kinh nghiệm |               |
|-------------|---------------------------------|--------------------|-----------------|-----------|--------------------------|---------------|-----------------------|---------------|
|             |                                 | Cấp trường         | Cấp thành phố   | Cấp Tỉnh  | Cấp trường               | Cấp thành phố | Cấp trường            | Cấp thành phố |
| 2018-2019   | 55                              | 28<br>56%          | 20<br>40%       | 05<br>10% | 08<br>28.6%              | 05<br>17.9    | 55<br>100%            | 21<br>38.2%   |
| 2019-2020   | 57                              | 32<br>56.1%        | Bảo lưu         | Bảo lưu   | 04<br>12.9%              | Bảo lưu       | 57<br>100%            | 18<br>31.6%   |
| 2020-2021   | 58                              | Bảo lưu            | 15<br>28%       | Bảo lưu   | 12<br>35.3%              | Bảo lưu       | 58<br>100%            | 13<br>22.4%   |
| 2021 - 2022 | 60                              | 38/56<br>67,9%     | Bảo lưu         | Bảo lưu   | 6/36<br>16,7%            | 5<br>13,9%    | 60<br>100%            | 11<br>18,3%   |
| 2022- 2023  | 60                              | Bảo lưu            | 20/55<br>36,4 % | Bảo lưu   | Bảo lưu                  | Bảo lưu       | 33<br>55%             | 13<br>21,6%   |

**Bảng 3. Kết quả đánh giá viên chức hằng năm của Trường**

| Năm học     | Kết quả xếp loại viên chức                                                           | Đánh giá theo chuẩn hiệu trưởng, phó hiệu trưởng, giáo viên                                                       |
|-------------|--------------------------------------------------------------------------------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| 2018 - 2019 | Hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ: 18 = 31.6%, hoàn thành tốt nhiệm vụ: 39 = 68.4%        | Xếp loại Tốt 02 = 100%, đánh giá chuẩn nghề nghiệp giáo viên: tốt 31 = 60.7 %, khá 20 = 39.3 %                    |
| 2019-2020   | Hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ: 18 = 31.6%, hoàn thành tốt nhiệm vụ: 39 = 68.4%        | Xếp loại khá 02 – 100%; GV: Tốt: 31/51= 60.7 %; khá 20/51 = 39.3 %                                                |
| 2020 - 2021 | Hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ: 25/57 = 43.9%, hoàn thành tốt nhiệm vụ: 32/57 = 56.1%  | Xếp loại tốt 02/02 = 100%, đánh giá chuẩn nghề nghiệp giáo viên: xếp loại tốt 32/53 = 60.4 %, khá 21/53 = 39.6 %  |
| 2021- 2022  | Hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ: 24/59 = 40,7%, hoàn thành tốt nhiệm vụ: 35/59 = 59,3%. | Xếp loại tốt 02/02 = 100%, đánh giá chuẩn nghề nghiệp giáo viên: xếp loại tốt 37/56 = 66,1 %, khá 19/56 = 33,9 %. |
| 2022- 2023  | Hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ: 23/60 = 38,3%, hoàn thành tốt nhiệm vụ: 37/60 = 61,7%. | Xếp loại tốt 02/02 = 100%, đánh giá chuẩn nghề nghiệp giáo viên: xếp loại tốt 33/57=57,9 %, khá 24/57=42,1%.      |

### 1.2.2. Về quy mô học sinh

Quy mô học sinh của Trường THCS Bãi Cháy (trường hạng I) từ năm học 2018-2019 được thống kê như bảng 4.

**Bảng 4. Quy mô học sinh của Trường THCS Bãi Cháy**

| Năm học     | Số lớp | Tổng số HS | Nữ  | HS lưu ban | Chính sách (TB, BB) | Hoàn cảnh khó khăn | Mồ côi | Khuyết tật |
|-------------|--------|------------|-----|------------|---------------------|--------------------|--------|------------|
| 2018 - 2019 | 28     | 1295       | 641 | 03         | 08                  | 38                 | 1      | 09         |
| 2019 - 2020 | 31     | 1463       | 734 | 09         | 01                  | 30                 | 04     | 08         |
| 2020 - 2021 | 34     | 1604       | 801 | 02         | 02                  | 25                 | 01     | 13         |
| 2021 - 2022 | 36     | 1666       | 806 | 09         | 02                  | 29                 | 01     | 13         |
| 2022 - 2023 | 36     | 1656       | 812 | 04         | 01                  | 25                 | 34     | 12         |

### 1.2.3. Về kết quả giáo dục

Kết quả giáo dục của Nhà trường được xem xét theo các tiêu chí dưới đây

- Kết quả học tập và rèn luyện của học sinh

Kết quả học tập và rèn luyện của học sinh được thể hiện qua số liệu thống kê của bảng 5. và 6 dưới đây.

**Bảng 5. Kết quả học lực của học sinh của Trường qua các năm**

| Năm học     | Tổng số | Tốt  |      | Khá |     | Trung bình |     | Yếu |   |
|-------------|---------|------|------|-----|-----|------------|-----|-----|---|
|             |         | SL   | %    | SL  | %   | SL         | %   | SL  | % |
| 2018 - 2019 | 1287    | 1174 | 91.2 | 110 | 8.6 | 3          | 0.2 | 0   | 0 |
| 2019-2020   | 1460    | 1369 | 93.7 | 90  | 6.2 | 1          | 0.1 | 0   | 0 |
| 2020-2021   | 1604    | 1457 | 90.8 | 141 | 8.8 | 6          | 0.4 | 0   | 0 |
| 2021-2022   | 1666    | 1532 | 92,0 | 134 | 8   | 0          | 0   | 0   | 0 |
| 2022-2023   | 1645    | 1538 | 93,5 | 97  | 5,9 | 10         | 0,6 | 0   | 0 |

- Kết quả thi đỗ vào trường THPT công lập

**Bảng 7. Thống kê số lượng học sinh của Trường thi đỗ vào THPT công lập**

- Về chất lượng giáo dục mũi nhọn

Chất lượng giáo dục mũi nhọn của Trường được thể hiện qua số lượng học sinh của Trường đạt giải ở các kỳ thi học sinh giỏi các cấp. Số liệu thống kê của bảng 8 và 9 thể hiện rõ điều này.

**Bảng 8: Số lượng HS của Trường đạt giải HS giỏi cấp tỉnh và thành phố**

| Năm học     | HSG cấp thành phố |      |     |    |    | HSG cấp Tỉnh |      |     |    |    |
|-------------|-------------------|------|-----|----|----|--------------|------|-----|----|----|
|             | TS giải           | Nhất | Nhì | Ba | KK | TS giải      | Nhất | Nhì | Ba | KK |
| 2017–2018   | 32                | 04   | 08  | 09 | 11 | 18           | 0    | 06  | 03 | 09 |
| 2018 - 2019 | 30                | 01   | 03  | 14 | 12 | 07           | 0    | 01  | 03 | 03 |
| 2019-2020   | Không tổ chức     |      |     |    |    |              |      |     |    |    |

|           |    |    |    |    |    |    |   |    |    |    |
|-----------|----|----|----|----|----|----|---|----|----|----|
| 2020-2021 | 36 | 03 | 06 | 11 | 16 | 08 | 0 | 01 | 04 | 03 |
| 2021-2022 | 52 | 03 | 14 | 14 | 21 | 15 | 0 | 04 | 04 | 07 |
| 2022-2023 | 57 | 01 | 15 | 16 | 25 | 22 | 1 | 02 | 11 | 08 |

**Bảng 9: Số lượng HS của Trường đạt giải HS giỏi quốc gia, quốc tế**

| Năm học     | Kỳ thi                                               | Số giải                            | Họ tên học sinh                                                           |
|-------------|------------------------------------------------------|------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------|
| 2020- 2021  | Giải Toán Sigapore châu Á SASMO                      | 01 huy chương đồng                 |                                                                           |
| 2021 - 2022 | Olympic Toán – Khoa học quốc tế STEMCO Mùa Xuân 2022 | 02 (01 giải vàng; 01 giải bạc)     | 1.Lưu Tuệ Minh – lớp 8A2, giải vàng<br>2.Hà Quang Minh – lớp 7A3 giải bạc |
| 2022 - 2023 | OLIMPIC toán quốc tế TIMO                            | 11 giải: 7 giải bạc<br>4 giải đồng |                                                                           |

- Kết quả các hoạt động giáo dục khác.

+ Tin học trẻ: 2022-2023: 7 giải ba Olympic tin học trẻ chuyên Hạ Long; 02 giải KK tin học trẻ cấp tỉnh.

+ Thi viết tìm hiểu 75 năm lực lượng vũ trang nhân dân tỉnh: 01 giải ba

+ Thi họa mi vàng cấp TP: 2 giải: 1 giải B; 1 giải C.

+ Kết quả cuộc thi sáng tạo Thanh thiếu niên - nhi đồng, Khoa học kỹ thuật.

Số liệu bảng 10 dưới đây phản ánh những thành tích của HS nhà trường đã đạt được qua các cuộc thi sáng tạo Thanh thiếu niên - nhi đồng và cuộc thi Khoa học kỹ thuật các cấp/

**Bảng 10. Thành tích của học sinh của Trường đạt được qua các cuộc thi sáng tạo Thanh thiếu niên - nhi đồng, Khoa học kỹ thuật**

| Năm học     | Sáng tạo thanh thiếu niên-nhi đồng |                      | Khoa học kỹ thuật                 |                 |        |
|-------------|------------------------------------|----------------------|-----------------------------------|-----------------|--------|
|             | Cấp thành phố                      | Cấp tỉnh             | Cấp thành phố                     | Cấp tỉnh        |        |
| 2017 – 2018 | 01 giải Nhất, 01 giải Ba           | 01 giải khuyến khích | 01 giải Nhì, 01 giải khuyến khích | 01 giải Ba      |        |
| 2018 - 2019 | 01 nhì, 01 ba                      |                      | 01 ba, 01 nhì robocom             | 01 giải ý tưởng | 01 nhì |
| 2019-2020   |                                    | 01 giải khuyến khích | 01 giải Ba, 01 giải Tư            |                 |        |
| 2020 - 2021 | 01 giải Nhì, 01 giải khuyến khích  |                      | 01 giải ba                        |                 |        |
| 2021- 2022  | 01 giải nhì, 02 giải khuyến khích  |                      | Đạt 01 giải nhì, 01 giải KK       |                 |        |
| 2022 - 2023 | 01 giải nhì; 01 giải KK            |                      | 1 giải ba                         |                 |        |

- Thành tích trong hoạt động thể dục, thể thao

**Bảng 11. Kết quả thi đấu các giải thể dục thể thao cấp thành phố và cấp tỉnh của học sinh Nhà trường**

| Năm học     | Cá nhân                                                                                  |                                                                                                                                                 | Toàn đoàn                                |
|-------------|------------------------------------------------------------------------------------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------------------------------------|
|             | Cấp thành phố                                                                            | Cấp tỉnh                                                                                                                                        | Cấp thành phố                            |
| 2018 - 2019 | 32 huy chương Vàng, 18 HC Bạc, 25 HC Đồng, cấp tỉnh đạt 03 HC Bạc, 03 HC Đồng            |                                                                                                                                                 | Nhất toàn toàn khối THCS                 |
| 2019-2020   | 32 HC Vàng, 18 HC Bạc, 25 HC Đồng                                                        | 03 HC Bạc, 03 HC Đồng                                                                                                                           | Giải Nhất khối THCS                      |
| 2020 - 2021 | *Giải bơi: 06 Huy chương vàng, 04 Huy chương Bạc, 06 Huy chương Đồng; 02 Huy chương Bạc. | 03 Huy chương Đồng cấp tỉnh.<br>02 Huy chương Đồng cấp tỉnh; đạt 02 Huy chương Đồng Giải vô địch Taekwondo cup Đại sứ Hàn Quốc năm 2020; 06 Huy | Giải nhì toàn đoàn<br><br>Nhất toàn đoàn |

|            |                                                                                                           |                                                                                                                                                                                                            |                                                                                                                       |
|------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
|            | *Giải điền kinh: 3 Huy chương Vàng; 02 Huy chương Bạc; 06 Huy chương Đồng; 01 Huy chương Bạc              | chương Vàng, 05 Huy chương Bạc, 02 Huy chương Đồng Giải vô địch Taekwondo các nhóm tuổi tỉnh Quảng Ninh năm 2020; đạt 01 Huy chương Vàng, 01 Huy chương Bạc Giải khiêu vũ Bill schools mở rộng tại Hà Nội; |                                                                                                                       |
| 2021- 2022 | 3 huy chương vàng; 01 huy chương bạc                                                                      |                                                                                                                                                                                                            | Giải ba đồng đội, giải ba toàn đoàn                                                                                   |
| 2022-2023  | -Giải bơi: 7 giải: 2 giải nhất, 4 giải nhì, 1 giải ba.<br>-Giải điền kinh: 3 giải: 1 giải nhì, 2 giải ba. |                                                                                                                                                                                                            | -Giải bơi: Giải ba toàn đoàn, giải ba đồng đội nam, KK đồng đội nữ.<br>-Giải điền kinh: KK toàn đoàn, KK đồng đội nam |

### 1.3. Cơ sở vật chất, trang thiết bị.

Trường THCS Bãi Cháy có 02 điểm trường là Điểm trường Cái Dầm và Điểm trường Ao cá.

- Diện tích đất tại hai điểm trường tổng cộng là 18.840m<sup>2</sup>, trong đó điểm trường Cái Dầm tổ 6 khu 9A với diện tích 9.406 m<sup>2</sup>; điểm trường Ao cá tại tổ 6 khu 9B phường Bãi Cháy diện tích 9.434 m<sup>2</sup> đang làm hồ sơ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Diện tích bình quân đạt 10,8m<sup>2</sup>/học sinh, đảm bảo theo quy định thông tư 13.

- Cả hai điểm trường đều có sân chơi, khuôn viên, cảnh quan trường lớp xanh, sạch, đẹp, an toàn và thân thiện với học sinh. Khu sân chơi, thể dục thể thao: Bố trí các sân thể dục thể thao cho riêng từng môn; nhà đa năng phải đáp ứng được các hoạt động thể dục thể thao và hoạt động chung của trường.

- Các phòng học có quạt, bàn ghế, điều hòa, loa,....ánh sáng phù hợp đáp ứng yêu cầu hoạt động giáo dục của trường.

- Các khối công trình phục vụ cho hoạt động giáo dục của trường được xác định cụ thể.

Số liệu thống kê về cơ sở vật chất của Trường được thể hiện rõ qua số liệu được thống kê tại Phụ lục 1.

## 2. Điểm mạnh:

### 2.1.Đội ngũ giáo viên:

Đội ngũ cán bộ, giáo viên, nhân viên nhà trường có phẩm chất đạo đức tốt, lối sống lành mạnh, tuân thủ các quy định và rèn luyện về đạo đức nhà giáo. Chấp hành tốt nội quy, quy định của ngành cũng như các chủ trương, đường lối, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước. Tập thể cán bộ, giáo viên, nhân viên trong nhà trường luôn đoàn kết, có tinh thần trách nhiệm cao trong công việc, tạo được uy tín với đồng nghiệp, với học sinh và cha mẹ học sinh.

- 50% cán bộ quản lý có trình độ đạt trên chuẩn, xếp loại theo chuẩn hiệu trưởng, phó hiệu trưởng hàng năm đạt từ khá trở lên. Có đạo đức nghề nghiệp chuẩn mực và tư tưởng đổi mới trong lãnh đạo, quản trị nhà trường, có năng lực chuyên môn nghiệp vụ. Lãnh đạo, quản trị nhà trường đáp ứng được nhu cầu phát triển, phẩm chất, năng lực học sinh. Xây dựng được môi trường giáo dục an toàn, lành mạnh, thân thiện, dân chủ. Phát triển tốt mối quan hệ giữa nhà trường, gia đình, xã hội trong dạy học, giáo dục học sinh.

- Đội ngũ giáo viên có trình độ chuyên môn đáp ứng các quy định hiện hành: 100% giáo viên đạt chuẩn trình độ đào tạo, trong đó đạt trên chuẩn chiếm tỉ lệ 13,3% (01 đồng chí đang theo học Thạc sĩ).

Chất lượng chuyên môn bước đầu đáp ứng được yêu cầu đổi mới giáo dục, nhiều giáo viên có năng lực tốt, tâm huyết với nghề, năng động sáng tạo, mạnh dạn đổi mới, tích cực ứng dụng CNTT trong giảng dạy. Đội ngũ giáo viên có trình độ chuyên môn, nghiệp vụ sư phạm tốt, đảm bảo đáp ứng việc triển khai chương trình giáo dục phổ thông 2018; có bề dày kinh nghiệm trong công tác giáo dục, nhiều đồng chí là giáo viên cốt cán của ngành. 100% giáo viên được xếp loại khá đạt chuẩn nghề nghiệp trở lên. Giáo viên giỏi cấp trường hàng năm chiếm trên 60%, cấp thành phố là trên 30%, cấp tỉnh trên 10%, giáo viên chủ nhiệm giỏi cấp trường chiếm 16%, cấp thành phố 13%. Đội ngũ giáo viên phần lớn có thâm niên tay nghề vững vàng bên cạnh đội ngũ giáo viên trẻ được đào tạo cơ bản, có năng lực chuyên môn, kỹ năng sư phạm khá tốt và hơn hết là tinh thần ham học hỏi. Thực hiện tốt việc xây dựng môi trường giáo dục lành mạnh, an toàn, thân thiện. Tạo dựng mối quan hệ tốt với cha mẹ học sinh và các lực lượng trong và ngoài nhà trường trong công tác giáo dục học sinh. Đội ngũ giáo viên đang được trẻ hóa, tạo điều kiện thuận lợi cho việc tiếp cận sự đổi mới trong giáo dục và ứng dụng công nghệ thông tin trong dạy học.

## 2.2. Học sinh:

- Học sinh có nhận thức đúng đắn về nhiệm vụ của người học sinh, có ý thức trong các hoạt động giáo dục toàn diện và lực học tương đối đồng đều, được rèn luyện những kỹ năng sống cơ bản đáp ứng nhu cầu cuộc sống hiện nay. Phần đông học sinh nhà trường luôn thực hiện tốt nhiệm vụ của người học sinh. Không có học sinh vi phạm pháp luật hoặc mắc các tệ nạn xã hội. Kết quả xếp loại hạnh kiểm khá tốt của học sinh hàng năm chiếm tỷ lệ trên 90 %.

- Đa số các em ngoan, ham học, ít bị tác động bởi môi trường xã hội hiện nay. Qua các năm học, nhà trường không có hiện tượng học sinh vi phạm, pháp luật, không có học sinh mắc

các tệ nạn xã hội; không xảy ra bạo lực học đường; và không xảy ra các hiện tượng khác: xâm hại, đuối nước,...

- Tỷ lệ học sinh xếp loại học lực khá, giỏi hằng năm chiếm 75%. Tỷ lệ lên lớp chiếm trên 98%.

- Tỷ lệ tốt nghiệp THCS hằng năm đạt 100%, học sinh thi đỗ vào các trường THPT công lập chiếm 57 - 70%.

- Học sinh giỏi các môn văn hóa cấp thành phố hằng năm duy trì trên 30 giải, cấp tỉnh trên 12 giải, thi khoa học kỹ thuật, Sáng tạo Thanh thiếu niên-Nhi đồng các cấp duy trì 02 - 03 giải cấp thành phố.

- Nhiều học sinh có năng khiếu trong các lĩnh vực văn nghệ, thể dục thể thao, đạt nhiều giải cao trong các môn thi thể dục thể thao các cấp, xếp Nhất, Nhì, ba toàn đoàn.

### **2.3. Cơ sở vật chất sư phạm của trường đáp ứng tiêu chuẩn của trường chuẩn quốc gia.**

- Nhà trường có đủ phòng học kiên cố tổ chức cho học sinh học 1 ca, các phòng được trang bị đầy đủ điều kiện về bàn ghế, ánh sáng, quạt mát, điều hòa, các phòng học được trang bị máy chiếu. Có đủ phòng học, đang trang bị các phòng bộ môn tại hai điểm trường, có nhà đa năng, sân chơi, bãi tập cho học sinh, nhà vệ sinh đạt chuẩn.

- Nhà trường có đủ thiết bị, đồ dùng phục vụ công tác dạy và học.

- Hệ thống phòng cháy chữa cháy được trang bị đầy đủ.

- Thực hiện thu, chi đúng theo quy định của các cấp, quy định tài chính. Có Quy chế chi tiêu nội bộ.

2.4. Nhà trường đạt những thành tích đáng khích lệ được lãnh đạo, chính quyền các cấp, cha mẹ học sinh và nhân dân đánh giá cao, trường luôn nhận được sự quan tâm chỉ đạo sát sao của các cấp ủy Đảng, chính quyền địa phương và Phòng Giáo dục và Đào tạo, sự ủng hộ của cha mẹ học sinh và các cơ quan, đoàn thể trên địa bàn, tạo điều kiện và tạo cơ hội cho nhà trường phát triển.

### **3. Điểm yếu**

#### **3.1. Đội ngũ cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên của trường còn một số hạn chế**

- Tỷ lệ giáo viên có trình độ đạt trên chuẩn còn thấp (chiếm 13%)

- Một số giáo viên còn hạn chế trong việc thực hiện đổi mới hình thức tổ chức dạy học, chưa tích cực đổi mới phương pháp kiểm tra đánh giá học sinh; năng lực chủ nhiệm chưa tốt, khả năng sử dụng ngoại ngữ còn hạn chế.

- Cán bộ quản lý chưa thành thạo trong sử dụng ngoại ngữ, công tác huy động các nguồn lực để phát triển nhà trường chưa tốt.

#### **3.2. Học sinh:**

- Một số học sinh chưa tích cực học tập, năng lực tự học, tự nghiên cứu, khả năng nghiên cứu khoa học của học sinh còn hạn chế, số học sinh xếp loại học lực yếu hằng năm chiếm tỉ lệ gần 2%.

3.3. *Công tác xã hội hóa* còn hạn chế vì vậy số lượng thiết bị dạy học hiện đại chưa đáp ứng được việc ứng dụng công nghệ thông tin tiên tiến vào hoạt động dạy và học; nguồn kinh phí để tổ chức các hoạt động trải nghiệm, ngoại khóa cho học sinh còn hạn chế.

#### 4. Thời cơ

##### 4.1. *Quan điểm phát triển giáo dục và đào tạo của Đảng, Nhà nước; sự quan tâm của Chính quyền và cơ quan quản lý nhà nước về giáo dục trên địa bàn*

- Đảng và Nhà nước coi giáo dục là quốc sách hàng đầu và có nhiều chính sách ưu tiên phát triển giáo dục. Tại Hội nghị lần thứ VIII, Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XI đã thông qua Nghị quyết số 29-NQ/TW “về đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo”; Nghị quyết số 88/2014/QH13 ngày 28 tháng 11 năm 2014 của Quốc hội về đổi mới chương trình, sách giáo khoa giáo dục phổ thông. Hơn nữa, chiến lược phát triển giáo dục nước ta giai đoạn từ năm 2011-2020 đã nhấn mạnh vai trò then chốt của Giáo dục và Đào tạo, nhằm tạo bước chuyển biến mạnh mẽ phát triển nguồn nhân lực, góp phần to lớn đưa nước ta thoát khỏi tình trạng kém phát triển, tạo nền tảng đến năm 2020 nước ta cơ bản trở thành một nước công nghiệp theo hướng hiện đại, từng bước phát triển kinh tế tri thức.

- Sự quan tâm, chỉ đạo sát sao của Sở giáo dục, Phòng Giáo dục và Đào tạo, các cấp, các ngành, chính quyền địa phương; sự ủng hộ của cha mẹ học sinh và các cơ quan, đoàn thể trên địa bàn, tạo điều kiện và tạo cơ hội cho nhà trường phát triển.

##### 4.2. *Sự thay đổi về cơ chế quản lý trong giáo dục tạo cơ hội cho sự năng động, sáng tạo của nhà trường*

- Nhà trường được cấp ngân sách thực hiện nhiệm vụ giáo dục hàng năm, tính theo số định biên giáo viên. Thành phố thường xuyên đầu tư cơ sở vật chất đảm bảo cho hoạt động dạy và học (bổ sung bàn ghế, lắp điều hòa nhiệt độ cho học sinh, trang thiết bị dạy học...).

- Nhà trường được tự chủ về kế hoạch giáo dục; giáo viên được bồi dưỡng chuyên môn hàng năm về các phương pháp, kỹ thuật, hình thức dạy học mới.

- Sự thay đổi căn bản, toàn diện GD&ĐT (chương trình, phương thức, mục tiêu giáo dục). Các chương trình giáo dục, đào tạo, bồi dưỡng, nâng cao năng lực cho giáo viên đa dạng.

- Công tác bồi dưỡng đội ngũ cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên, công tác chỉ đạo của ngành về chuyên môn tích cực cho việc thực hiện chương trình giáo dục phổ thông và sách giáo khoa năm 2018, tạo cơ hội cho nhà trường không ngừng sáng tạo, phát huy nội lực, chủ động hơn trong công tác quản lý cũng như trong việc thực hiện chương trình, nội dung giảng dạy, nhằm thực hiện việc đổi mới toàn diện giáo dục, đáp ứng nguồn nhân lực cho thời kỳ hội nhập; thời đại công nghiệp 4.0.

##### 4.3. *Cơ hội đến từ tác động của cách mạng công nghiệp 4.0*

Công nghệ thông tin và các phần mềm phục vụ giảng dạy, quản lý giáo dục khác không ngừng phát triển, hỗ trợ cho việc quản lý và dạy học.

#### 5. Thách thức

##### 5.1. *Những yêu cầu mới được đặt ra khi thực hiện chương trình giáo dục phổ thông*

2018

- Từ năm học 2021-2022: Thực hiện song song 2 chương trình giáo dục gồm: Chương trình giáo dục phổ thông mới triển khai bắt đầu từ lớp 6, chương trình giáo dục phổ thông hiện hành đang thực hiện hiện đối với các khối lớp còn lại. Gắn với việc thực hiện chương trình giáo dục phổ thông mới là việc thay đổi cơ cấu bộ môn học nên trực tiếp thay đổi cơ cấu cán bộ, giáo viên, nhân viên trong đơn vị cả về số lượng và chất lượng; đồng thời các yêu cầu về đầu tư cơ sở vật chất, trang thiết bị đáp ứng việc triển khai chương trình giáo dục mới; việc bố trí nguồn tài chính, công tác quản lý, sử dụng hiệu quả các trang thiết bị, đội ngũ cán bộ, giáo viên, nhân viên đáp ứng yêu cầu đổi mới là một thách thức.

- Việc bồi dưỡng chuyên môn cho cán bộ, giáo viên trong hệ theo các mô đun vừa là cơ hội cũng vừa là thách thức đòi hỏi mỗi cán bộ, giáo viên phải nâng cao năng lực CNTT, năng lực chuyên môn, năng lực tự nghiên cứu và tự bồi dưỡng để hoàn thiện mình, chuẩn bị những điều kiện tốt nhất, chủ động thực hiện chương trình giáo dục phổ thông mới.

- Hiện tượng thiếu giáo viên về cơ cấu bộ môn và số lượng giáo viên trong nhà trường, thiếu nhân viên chuyên trách thiết bị, thư viện, y tế, thủ quỹ.

- Thiếu phòng tổ chức các hoạt động trải nghiệm. Tại điểm trường mới, chưa được trang bị phòng học bộ môn, thư viện, máy chiếu tại các phòng học, phòng học thông minh, nhà đa năng, sân thể chất.

#### **5.2. Yêu cầu cao của cha mẹ học sinh và địa bàn dân cư rộng**

- Yêu cầu của xã hội và cha mẹ học sinh ngày càng cao đối với chất lượng giáo dục, trong khi đó, năng lực của một số giáo viên chưa đáp ứng được yêu cầu đó.

- Số học sinh trong trường đông và thường trú ở nhiều địa bàn khác nhau nên khó khăn cho nhà trường trong công tác quản lý và điều tra phổ cập. Nhiều học sinh có hoàn cảnh gia đình đặc biệt.

#### **5.3. Còn những rào cản về cơ chế**

- Việc phân luồng cho học sinh sau tốt nghiệp THCS khó thực hiện khi cha mẹ học sinh đều định hướng cho con học THPT.

- Công tác tuyển sinh của nhà trường còn phụ thuộc vào phân vùng tuyển sinh chưa được sàng lọc tuyển sinh học sinh trên toàn địa bàn thành phố.

- Số học sinh/1 lớp vượt quá 45 học sinh, điều đó ảnh hưởng đến chất lượng tổ chức các hoạt động dạy và học. Đòi hỏi mỗi giáo viên phải có những biện pháp phù hợp, cụ thể để đảm bảo chất lượng, hiệu quả của công tác dạy và học.

- Ngân sách hạn chế cũng ảnh hưởng đến việc đầu tư cho các hoạt động chuyên môn.

Có thể khái quát những phân tích trên như nội dung bảng 12 dưới đây.

**Bảng 12. Phân tích ma trận SWOT của Trường THCS Bãi Cháy  
trong giai đoạn hiện nay.**

| <b>ĐIỂM MẠNH (S)</b>                                                                                                                                                                                                                                                                | <b>CƠ HỘI (O)</b>                                                                                                                                                                                                                                                                                            |
|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| (S1) Đội ngũ cán bộ, giáo viên, nhân viên nhà trường có chất lượng<br>(S2) Chất lượng giáo dục của nhà trường được cộng đồng thừa nhận<br>(S3) Cơ sở vật chất sư phạm của trường đáp ứng tiêu chuẩn của trường chuẩn quốc gia<br>(S4) Nhà trường đạt những thành tích đáng khích lệ | (O1) Quan điểm phát triển giáo dục và đào tạo của Đảng, Nhà nước; sự quan tâm của Chính quyền và cơ quan quản lý nhà nước về giáo dục<br>(O2) Sự thay đổi về cơ chế quản lý trong giáo dục tạo cơ hội cho sự năng động, sáng tạo của nhà trường<br>(O3) Cơ hội đến từ tác động của cách mạng công nghiệp 4.0 |
| <b>ĐIỂM YẾU (W)</b>                                                                                                                                                                                                                                                                 | <b>THÁCH THỨC (T)</b>                                                                                                                                                                                                                                                                                        |
| (W1) Đội ngũ cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên của trường còn một số hạn chế<br>(W2) Một số học sinh chưa tích cực học tập,<br>(W3) Công tác xã hội hóa còn hạn chế                                                                                                              | (T1) Những yêu cầu mới được đặt ra khi thực hiện chương trình giáo dục phổ thông 2018<br>(T2) Yêu cầu cao của cha mẹ học sinh và địa bàn dân cư rộng<br>(T3) Còn những rào cản về cơ chế                                                                                                                     |

#### **6. Xác định những vấn đề ưu tiên:**

- Đối với đội ngũ cán bộ, giáo viên, nhân viên:

+ Nâng cao phẩm chất chính trị, đạo đức, lối sống, trình độ và năng lực chuyên môn, nghiệp vụ, năng lực sử dụng ngoại ngữ, Tin học cho đội ngũ cán bộ, giáo viên, nhân viên; làm tốt công tác bồi dưỡng đội ngũ đáp ứng việc triển khai chương trình giáo dục phổ thông 2018.

+ Xây dựng tính chuyên nghiệp trong chuyên môn, nghiệp vụ và rèn luyện kỹ năng giao tiếp, ứng xử cho các thành viên trong nhà trường, tự bồi dưỡng nâng cao chuyên môn nghiệp vụ mỗi giáo viên.

+ Tiếp tục nâng cao chất lượng dạy và học, xây dựng môi trường giáo dục an toàn, lành mạnh, thân thiện, đổi mới phương pháp dạy học và đánh giá học sinh theo định hướng phát triển phẩm chất, năng lực người học.

+ Tiếp tục tổ chức các hoạt động giáo dục tập thể, giáo dục ngoài giờ lên lớp, giáo dục hướng nghiệp, hoạt động trải nghiệm STEM, tham vấn, tư vấn tâm lý... nhằm giáo dục đạo đức, lối sống, kỹ năng sống, giáo dục pháp luật cho học sinh.

+ Ứng dụng có hiệu quả CNTT vào giảng dạy, học tập, quản lý;

- Đối với học sinh

+ Giáo dục cho học sinh có thái độ, động cơ học tập đúng đắn;

+ Nâng cao chất lượng giáo dục, chất lượng tham gia các cuộc thi học sinh giỏi các môn văn hóa, nghiên cứu khoa học, Sáng tạo Thanh thiếu niên-Nhi đồng;

+ Giáo dục học sinh những năng lực và phẩm chất của công dân toàn cầu;

- Tăng cường đầu tư CSVC theo hướng hiện đại, đáp ứng chương trình giáo dục phổ thông mới.

- Nâng cao hiệu quả hoạt động của các tổ chức đoàn thể trong nhà trường.

- Tăng cường mối quan hệ phối hợp giữa nhà trường và CMHS và các tổ chức đoàn thể trong và ngoài nhà trường

- Quan tâm công tác xã hội hóa giáo dục, huy động có hiệu quả các nguồn lực để phát triển nhà trường

- Xây dựng nét đặc trưng truyền thống của nhà trường

### **III. SỨ MỆNH, TÂM NHÌN, GIÁ TRỊ CỐT LÕI**

#### **1. Phương châm hành động**

“Chất lượng giáo dục là uy tín, danh dự của nhà trường”

#### **2. Sứ mệnh:**

Trường THCS Bãi Cháy có sứ mệnh đáp ứng nhu cầu giáo dục Trung học cơ sở bằng hệ thống giáo dục chất lượng cao, giúp học sinh phát triển toàn diện, năng động, sáng tạo, tự chủ và tự học để tiếp tục học lên THPT hoặc học tại các cơ sở giáo dục nghề nghiệp có mức độ sàng lọc cao trong tuyển sinh.

#### **3. Tâm nhìn:**

Là trường đạt chuẩn quốc gia, phát triển theo định hướng trường chất lượng cao và hội nhập quốc tế.

#### **4. Giá trị cốt lõi:**

Trách nhiệm và nhân ái; tự chủ và sáng tạo; phát triển và hội nhập

### **IV. MỤC TIÊU CHIẾN LƯỢC**

### 1. Mục tiêu tổng quát

Trong giai đoạn 2023 – 2025, phát triển Trường Trung học cơ sở Bãi Cháy, thành phố Hạ Long, tỉnh Quảng Ninh theo mô hình “trường học chất lượng cao” để phát triển các kỹ năng, năng khiếu cho học sinh, tạo lập môi trường thân thiện, có uy tín về chất lượng giáo dục được công nhận trường đạt chuẩn Quốc gia giai đoạn 2024-2029, đạt kiểm định chất lượng giáo dục. Phần đầu đạt kiểm định chất lượng giáo dục Cấp độ 2, đạt chuẩn quốc gia Mức độ 1 năm 2024, được Nhà nước tặng thưởng Huân chương Lao động Hạng 3 năm 2024.

- Tạo dựng được môi trường học tập, rèn luyện đạt chất lượng trong 05 trường THCS топ đầu của thành phố; xây dựng được thương hiệu nhà trường và luôn có được niềm tin của cấp ủy, chính quyền và Nhân dân địa phương.

### 2. Mục tiêu cụ thể:

- Giai đoạn 2023 – 2024: đầu tư cơ sở vật chất, phát triển đội ngũ cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên; phát triển các chương trình giáo dục bổ sung nâng cao; đổi mới phương pháp dạy học; triển khai các dịch vụ chất lượng cao trong giáo dục đáp ứng yêu cầu của trường đạt chuẩn quốc gia.

- Giai đoạn 2024 – 2025 và những năm tiếp theo: Trường tiếp tục nâng cao chất lượng dạy và học theo định hướng trường THCS chất lượng cao, hội nhập quốc tế.

#### 2.1. Quy mô về học sinh giai đoạn 2023-2025: Tăng 2 lớp năm học 2024-2025

| TT | Năm học   | Số lớp | Số học sinh | Lớp 6 |     | Lớp 7 |     | Lớp 8 |     | Lớp 9 |     |
|----|-----------|--------|-------------|-------|-----|-------|-----|-------|-----|-------|-----|
|    |           |        |             | Lớp   | HS  | Lớp   | HS  | Lớp   | HS  | Lớp   | HS  |
| 1  | 2023-2024 | 38     | 1685        | 11    | 501 | 9     | 378 | 9     | 387 | 9     | 419 |
| 2  | 2024-2025 | 40     | 1765        | 10    | 450 | 12    | 522 | 9     | 399 | 9     | 394 |

#### 2.2. Quy mô Đội ngũ cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên tương ứng số lớp, số học sinh giai đoạn 2020-2025: Tăng 4 giáo viên năm học 2024- 2025

| Nội dung                           | Năm học<br>2020-2021             | Năm học<br>2021-2022              | Năm học<br>2022-2023              | Năm học<br>2023-2024              | Năm học<br>2024-2025              |
|------------------------------------|----------------------------------|-----------------------------------|-----------------------------------|-----------------------------------|-----------------------------------|
| Số lượng                           | 72                               | 76                                | 77                                | 80                                | 84                                |
| Cơ cấu                             | -CBQL: 3<br>- GV: 65<br>- NV: 04 | - CBQL: 3<br>- GV: 68<br>- NV: 05 | - CBQL: 3<br>- GV: 69<br>- NV: 05 | - CBQL: 3<br>- GV: 72<br>- NV: 05 | - CBQL: 3<br>- GV: 76<br>- NV: 05 |
| Toán, Lý, Công nghệ                | 21                               | 22                                | 22                                | 23                                | 24                                |
| Văn, Sử, GDCD                      | 21                               | 22                                | 22                                | 23                                | 23                                |
| Tiếng Anh                          | 06                               | 06                                | 06                                | 06                                | 07                                |
| Khoa học tự nhiên (Sinh, Hóa, Địa) | 09                               | 09                                | 09                                | 10                                | 12                                |
| Thể dục                            | 03                               | 03                                | 03                                | 03                                | 03                                |
| Âm nhạc                            | 02                               | 02                                | 02                                | 02                                | 02                                |
| Mỹ thuật                           | 02                               | 02                                | 02                                | 02                                | 02                                |
| Tin học                            | 0                                | 01                                | 02                                | 02                                | 02                                |
| TPT Đội                            | 01                               | 01                                | 01                                | 01                                | 01                                |

**2.3. Quy mô về cơ sở vật chất giai đoạn 2020-2025: tăng số phòng học lên 2 phòng.**

| Năm học                                    | 2020-2021 | 2021-2022 | 2022-2023 | 2023 -2024 | 2024-2025 |
|--------------------------------------------|-----------|-----------|-----------|------------|-----------|
| Số phòng học kiên cố                       | 34        | 36        | 36        | 38         | 40        |
| Số phòng chức năng                         | 07        | 08        | 08        | 08         | 08        |
| Số phòng học TM                            | 7         | 7         | 0         | 0          | 0         |
| Thư viện                                   | 01        | 01        | 01        | 01         | 01        |
| Thiết bị                                   | 01        | 02        | 02        | 02         | 02        |
| Số lượng bàn ghế học sinh 02 chỗ ngồi (bộ) | 802       | 838       | 838       | 843        | 843       |
| Số lượng bàn ghế giáo viên (bộ)            | 34        | 36        | 36        | 38         | 40        |
| Nhà đa năng                                | 01        | 01        | 01        | 01         | 01        |
| Số nhà vệ sinh (nam+nữ)                    | 04        | 06        | 06        | 06         | 06        |
| Số điều hòa lớp học                        | 84        | 90        | 90        | 94         | 94        |
| Số nhà để xe học sinh                      | 02        | 02        | 02        | 02         | 02        |

|                                   |                                                                                                                         |
|-----------------------------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| Hệ thống Camera giám sát          | Các phòng học, phòng làm việc, phòng chức năng, khu vực hành lang lớp học, sân trường, cổng trường, nhà xe, nhà đa năng |
| Khuôn viên, khu sân chơi, bãi tập | Có diện tích ít nhất 8m <sup>2</sup> /HS, khu sân chơi bãi tập có diện tích bằng 25% tổng diện tích sử dụng             |
| Thiết bị dạy học                  | Có đủ thiết bị dạy học theo quy định                                                                                    |

### 3. Điều chỉnh chỉ tiêu cụ thể:

#### 3.1. Về học sinh:

| Năm học                                                                     | 2023 -2024          | 2024-2025     |
|-----------------------------------------------------------------------------|---------------------|---------------|
| Tỷ lệ xếp loại học lực Khá – Giỏi                                           | Trên 70%            | Trên 70%      |
| Tỷ lệ xếp loại hạnh kiểm Khá –Tốt                                           | Trên 98%            | Trên 98%      |
| Tỷ lệ lên lớp                                                               | 99%                 | 99%           |
| Tỷ lệ tốt nghiệp THCS                                                       | 100%                | 100%          |
| Tỷ lệ thi đỗ vào trường THPT công lập                                       | 60 - 70%            | Trên 60%      |
| Tỷ lệ phân luồng sau THCS                                                   | Trên 15 %           | Trên 15 %     |
| Số lượng học sinh giỏi các môn văn hóa cấp thành phố                        | 50 HS trở lên       | 50 HS trở lên |
| Số lượng học sinh giỏi các môn văn hóa cấp tỉnh                             | 15 HS trở lên       | 15 HS trở lên |
| Số lượng học sinh đạt giải các cuộc thi KHKH, Sáng tạo TTN-NĐ cấp thành phố | Đạt giải KK trở lên |               |
| Số lượng học sinh đạt giải các cuộc thi KHKH, Sáng tạo TTN-NĐ cấp tỉnh      | 01-02               | 01-02         |
| Giải TDTT cấp TP (Năm 2023-2024 TP tổ chức HKPD)                            | 50                  | 15            |
| Giải TDTT cấp tỉnh                                                          | 05                  | 02            |
| Thi Họa mi vàng                                                             | Đạt giải C trở lên  |               |

#### 3.2. Về giáo viên: Điều chỉnh chỉ tiêu thi đua khen thưởng

| Năm học                | 2020-2021                 | 2021-2022                 | 2022-2023                 | 2023 -2024                | 2024-2025                 |
|------------------------|---------------------------|---------------------------|---------------------------|---------------------------|---------------------------|
| Bồi dưỡng thường xuyên | 100% xếp loại khá trở lên | 100% xếp loại khá trở lên | 100% xếp loại khá trở lên | 100% xếp loại khá trở lên | 100% xếp loại khá trở lên |
| Xếp loại viên chức     | HTSXNV 30% trở lên        | HTSXNV 30% trở lên        | HTSXNV 30% trở lên        | HTSXNV 30% trở lên        | HTSXNV 20% trở lên        |

|                        | HTTNV: 80% trở<br>lên                                                                                                                                     | HTTNV: 80%<br>trở lên                                                                                                                                          | HTTNV:<br>80% trở lên                                                                                                                                              | HTTNV:<br>80% trở lên                                                                                                                                                | HTTNV:<br>80% trở lên                                                                                                                                              |
|------------------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| Đánh giá theo<br>chuẩn | CBQL: 100% xếp<br>loại tốt<br>GV: xếp loại tốt<br>từ 30% trở lên,<br>xếp loại khá từ<br>80% trở lên<br>-NV:100% có<br>trình độ đáp ứng<br>vị trí việc làm | CBQL:100%<br>xếp loại tốt<br>GV: xếp loại<br>tốt từ 30% trở<br>lên, xếp loại<br>khá từ 80%<br>trở lên<br>-NV:100% có<br>trình độ đáp<br>ứng vị trí việc<br>làm | CBQL:100<br>% xếp loại<br>tốt<br>GV: xếp loại<br>tốt từ 30%<br>trở lên, xếp<br>loại khá từ<br>80% trở lên<br>-NV:100%<br>có trình độ<br>đáp ứng vị<br>trí việc làm | CBQL:100<br>% xếp loại<br>tốt<br>GV:xếp<br>loại tốt từ<br>30% trở<br>lên, xếp<br>loại khá từ<br>80% trở lên<br>-NV:100%<br>có trình độ<br>đáp ứng vị<br>trí việc làm | CBQL:100<br>% xếp loại<br>tốt<br>GV: xếp loại<br>tốt từ 30%<br>trở lên, xếp<br>loại khá từ<br>80% trở lên<br>-NV:100%<br>có trình độ<br>đáp ứng vị<br>trí việc làm |
| Năng chuẩn             | Đại học 02                                                                                                                                                |                                                                                                                                                                |                                                                                                                                                                    |                                                                                                                                                                      |                                                                                                                                                                    |
|                        | Thạc sĩ 01                                                                                                                                                | Thạc sĩ 01                                                                                                                                                     | Thạc sĩ 01                                                                                                                                                         | Thạc sĩ 01                                                                                                                                                           | Thạc sĩ 01                                                                                                                                                         |
| Trung cấp<br>chính trị | 01                                                                                                                                                        | 01                                                                                                                                                             | 01                                                                                                                                                                 | 01                                                                                                                                                                   | 01                                                                                                                                                                 |
| Tiếng Anh              | 100% có chứng<br>chỉ đạt chuẩn                                                                                                                            | 100% có<br>chứng chỉ đạt<br>chuẩn                                                                                                                              | 100% có<br>chứng chỉ<br>đạt chuẩn                                                                                                                                  | 100% có<br>chứng chỉ<br>đạt chuẩn                                                                                                                                    | 100% có<br>chứng chỉ<br>đạt chuẩn                                                                                                                                  |
| Tin học                | 100% có chứng<br>chỉ đạt chuẩn                                                                                                                            | 100% có<br>chứng chỉ đạt<br>chuẩn                                                                                                                              | 100% có<br>chứng chỉ<br>đạt chuẩn                                                                                                                                  | 100% có<br>chứng chỉ<br>đạt chuẩn                                                                                                                                    | 100% có<br>chứng chỉ<br>đạt chuẩn                                                                                                                                  |
| GVĐG các<br>cấp        | - Cấp trường: bảo<br>lưu<br>- Cấp TP 35%                                                                                                                  | - Cấp trường<br>60% - 65%<br>- Cấp TP; bảo<br>lưu                                                                                                              | - Cấp trường<br>bảo lưu<br>- Cấp TP<br>35% -40%<br>- Cấp tỉnh<br>15%                                                                                               | -Cấp<br>trường<br>60% - 65%<br>- Cấp TP,<br>tỉnh:bảo<br>lưu                                                                                                          | -Cấp trường:<br>bảo lưu<br>- Cấp TP:<br>35% -40%                                                                                                                   |

|                       |                                                                     |                                                                         |                                                                         |                                                                         |                                                                         |
|-----------------------|---------------------------------------------------------------------|-------------------------------------------------------------------------|-------------------------------------------------------------------------|-------------------------------------------------------------------------|-------------------------------------------------------------------------|
| GVCN giới các cấp     | - Cấp trường 35%                                                    | -Cấp trường: bảo lưu<br>- Cấp TP 20%<br>-Cấp tỉnh 10%                   | - Cấp trường: 35%-40%<br>-Cấp TP, tỉnh :bảo lưu                         | -Cấp trường: bảo lưu<br>-Cấp TP 20% - 30%                               | -Cấp trường: 35% - 40%<br>-CấpTP, tỉnh bảo lưu                          |
| Sáng kiến kinh nghiệm | -Cấp trường 100%<br>-Cấp cơ sở từ 35% - 40% trở lên<br>-Cấp tỉnh 2% | -Cấp trường 100%<br>-Cấp cơ sở từ 35% - 40% trở lên<br>-Cấp tỉnh 2% -4% | -Cấp trường 100%<br>-Cấp cơ sở từ 35% - 40% trở lên<br>-Cấp tỉnh 2% -4% | -Cấp trường 100%<br>-Cấp cơ sở từ 35% - 40% trở lên<br>-Cấp tỉnh 2% -4% | -Cấp trường 100%<br>-Cấp cơ sở từ 35% - 40% trở lên<br>-Cấp tỉnh 2% -4% |

### 3.3 Về các hoạt động khác:

- Tham gia tích cực có hiệu quả mọi phong trào do Phòng Giáo dục và Đào tạo, các cơ quan, ban ngành và địa phương tổ chức.
- Tổ chức Hội khỏe Phù đồng 1 lần/năm học.
- Tổ chức ít nhất 02 hoạt động lớn/năm học.

### 3.4. Lộ trình thi đua:

| Năm học | 2020-2021                                                                                                                                       | 2021-2022                                                                                                                                    | 2022-2023                                                                                                                                                | 2023 -2024                                                                                                                              | 2024-2025                                                                                               |
|---------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| Tập thể | - Chỉ bộ: HTTNV tốt trở lên<br>-Trưởng: LĐXS, được tặng thưởng Huân chương Lao động Hạng 3 (Không đạt)<br>- Công đoàn; HTSX nhiệm vụ, nhận Giấy | Chỉ bộ: HTTNV tốt trở lên<br>Trưởng:LĐXS<br>- Công đoàn; HTSX nhiệm vụ<br>- Liên đội: vững mạnh cấp tỉnh, nhận bằng khen của Trung ương đoàn | Chỉ bộ: HTTNV tốt trở lên<br>Trưởng:LĐXS, Bằng khen của UBND tỉnh<br>- Công đoàn; HTTVV nhiệm vụ<br>- Liên đội: vững mạnh, nhận giấy khen của thành đoàn | Chỉ bộ: HTTNV tốt trở lên<br>Trưởng:LĐXS Huân chương Lao động Hạng 3<br>- Công đoàn; HTTNV nhiệm vụ<br>- Liên đội: vững mạnh, nhận Giấy | Chỉ bộ: HTTNV tốt trở lên<br>Trưởng: LĐXS, nhận Cờ thi đua của UBND tỉnh<br>- Công đoàn; HTTNV nhiệm vụ |

|         |                                                                                                                                                                                                                   |                                                                                                                                                                                  |                                                                                                                                            |                                                                                                                                           |                                                                                                                                                 |
|---------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
|         | khen của Liên đoàn LĐ TP<br>- Liên đội:<br>vững mạnh,<br>nhận Bằng<br>khen của tỉnh<br>đoàn                                                                                                                       |                                                                                                                                                                                  |                                                                                                                                            | khen của<br>thành đoàn                                                                                                                    | - Liên đội:<br>vững mạnh,<br>nhận Giấy<br>khen của<br>thành đoàn<br>đoàn                                                                        |
| Cá nhân | - Bộ GD&ĐT<br>tặng Bằng<br>khen: 01<br>- UBND tỉnh<br>tặng Bằng<br>khen: 01<br>- Sở GD&ĐT<br>tặng Giấy<br>khen: 01<br>- CSTĐ cấp<br>tỉnh: 01<br>- CSTĐ cấp<br>TP: 15%<br>- Giấy khen<br>UBND TP: 03<br>LĐTT: 100% | - UBND tỉnh<br>tặng Bằng<br>khen: 01<br>- Sở GD&ĐT<br>tặng Giấy<br>khen: 01<br>- CSTĐ cấp<br>tỉnh: 01<br>- CSTĐ cấp<br>TP: 15%<br>- Giấy khen<br>UBND TP:<br>03-04<br>LĐTT: 100% | - UBND tỉnh<br>tặng Bằng<br>khen: 01<br>- CSTĐ cấp<br>tỉnh: 01<br>- CSTĐ cấp<br>TP: 15%<br>- Giấy khen<br>UBND TP: 03-<br>04<br>LĐTT: 100% | - UBND tỉnh<br>tặng Bằng<br>khen: 01<br>- CSTĐ cấp<br>tỉnh: 01<br>- CSTĐ cấp<br>TP: 15%<br>- Giấy khen<br>UBND TP:<br>03-04<br>LĐTT: 100% | - UBND<br>tỉnh tặng<br>Bằng khen:<br>01<br>- CSTĐ cấp<br>tỉnh: 01<br>- CSTĐ cấp<br>TP: 15%<br>- Giấy khen<br>UBND TP:<br>03-04<br>LĐTT:<br>100% |

#### IV. CÁC GIẢI PHÁP THỰC HIỆN

##### 1. Giải pháp chiến lược chung:

- Tuyên truyền trong cán bộ, giáo viên, nhân viên và học sinh về nội dung Kế hoạch chiến lược trên mọi phương tiện thông tin, lấy ý kiến để thống nhất nhận thức và hành động của tất cả các cán bộ, giáo viên, nhân viên trong trường theo các nội dung của Kế hoạch chiến lược.

- Phát huy truyền thống đoàn kết của tập thể cán bộ giáo viên, nhân viên, quyết tâm thực hiện được các mục tiêu của Kế hoạch chiến lược.

- Xây dựng Văn hoá nhà trường hướng tới các giá trị cốt lõi đã nêu ở trên.

- Tăng cường công tác xã hội hoá giáo dục, gắn kết có hiệu quả giữa nhà trường với các tổ chức đoàn thể, cơ quan, doanh nghiệp trong và ngoài nhà trường.

- Có kế hoạch tham mưu với các cấp ủy Đảng, chính quyền địa phương để thực hiện Kế hoạch chiến lược của nhà trường.

##### 2. Giải pháp cụ thể:

### 2.1. Nhóm giải pháp về hoàn thiện thể chế, chính sách:

- Xây dựng cơ chế tự chủ và tự chịu trách nhiệm về tổ chức bộ máy, tài chính và Quy chế chi tiêu nội bộ theo hướng phát huy nội lực, khuyến khích phát triển cá nhân và tăng cường hợp tác với bên ngoài.

- Hoàn thiện hệ thống các quy định, quy chế về mọi hoạt động trong trường học mang tính đặc thù của trường, đảm bảo sự thống nhất.

### 2.2. Nhóm giải pháp về xây dựng tổ chức bộ máy:

- Kiện toàn cơ cấu tổ chức, phân công bố trí lao động hợp lý, phát huy năng lực, sở trường của từng cán bộ, giáo viên, nhân viên phù hợp với yêu cầu giảng dạy, công tác.

- Thực hiện phân cấp quản lý theo hướng tăng quyền chủ động cho các tổ chuyên môn, các đoàn thể trong trường.

### 2.3. Nhóm giải pháp về xây dựng đội ngũ:

- Tiếp tục thực hiện tốt cuộc vận động “Học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh” và các phong trào thi đua của ngành phát động; xây dựng và bồi dưỡng gương điển hình tiên tiến trong phong trào dạy và học.

- Tham mưu với cấp trên, bổ sung biên chế kịp thời cho nhà trường để thực hiện tốt nhiệm vụ giáo dục. Cụ thể:

| Nội dung                           | Năm học<br>2020-2021             | Năm học<br>2021-2022             | Năm học<br>2022-2023             | Năm học<br>2023-2024            | Năm học<br>2024-2025             |
|------------------------------------|----------------------------------|----------------------------------|----------------------------------|---------------------------------|----------------------------------|
| Số lượng                           | 14                               | 11                               | 12                               | 10                              | 12                               |
| Cơ cấu                             | -CBQL: 1<br>- GV: 11<br>- NV: 02 | -CBQL: 1<br>- GV: 09<br>- NV: 01 | -CBQL: 1<br>- GV: 09<br>- NV: 02 | -BCQL: 0<br>- GV: 8<br>- NV: 02 | -BCQL: 0<br>- GV: 10<br>- NV: 02 |
| Toán, Lý, Công nghệ                | 02                               | 01                               | 02                               | 02                              | 02                               |
| Văn, Sử, GDCD                      | 03                               | 01                               | 01                               | 01                              | 01                               |
| Tiếng Anh                          | 01                               | 01                               | 01                               | 01                              | 01                               |
| Khoa học tự nhiên (Sinh, Hóa, Địa) | 02                               | 01                               | 01                               | 01                              | 01                               |

|           |                         |           |                         |                         |                         |
|-----------|-------------------------|-----------|-------------------------|-------------------------|-------------------------|
| Thẻ dực   | 01                      | 01        | 01                      | 01                      | 01                      |
| Âm nhạc   |                         |           |                         |                         | 01                      |
| Mỹ thuật  | 01                      | 01        | 01                      | 01                      | 01                      |
| Tin học   | 0                       | 01        | 01                      |                         |                         |
| TPT Đội   | 01                      | 01        | 01                      | 01                      | 01                      |
| Nhân viên | 02 (thư viện, thiết bị) | 01 (CNTT) | 02 (thư viện, thiết bị) | 02 (thư viện, thiết bị) | 02 (thư viện, thiết bị) |

- Xây dựng đội ngũ cán bộ, giáo viên đủ về số lượng theo cơ cấu bộ môn, nhân viên đủ về số lượng theo vị trí việc làm, có phẩm chất chính trị, có năng lực chuyên môn tốt, có trình độ Tin học, Ngoại ngữ cơ bản, có phong cách sư phạm mẫu mực, đoàn kết, tâm huyết, gắn bó với nhà trường, hợp tác, giúp đỡ nhau cùng tiến bộ.

- Tích cực chuẩn bị các điều kiện triển khai chương trình, sách giáo khoa giáo dục phổ thông mới: Cử cán bộ, giáo viên tham gia tập huấn về sách giáo khoa mới. Bảo đảm 100% giáo viên dạy theo Chương trình GDPT 2018 được bồi dưỡng trước khi thực hiện nhiệm vụ. Thành lập Ban thẩm định sách, tiến hành cho cán bộ, giáo viên nghiên cứu Thông tư số 25/2020/TT-BGDĐT ngày 26/8/2020 quy định về việc lựa chọn sách giáo khoa trong cơ sở giáo dục phổ thông để đề xuất lựa chọn sách giáo khoa phù hợp với năng lực và phẩm chất học sinh nhà trường.

- Chú trọng xây dựng đội ngũ giáo viên cốt cán các môn học để triển khai bồi dưỡng cho giáo viên trong nhà trường theo phương thức bồi dưỡng qua mạng, thường xuyên, liên tục, ngay tại trường; gắn nội dung bồi dưỡng thường xuyên với nội dung sinh hoạt tổ, nhóm chuyên môn trong trường

- Tiếp tục rà soát, đánh giá năng lực giáo viên tiếng Anh; tổ chức bồi dưỡng tăng cường năng lực giáo viên ngoại ngữ theo chuẩn quy định của Bộ GDĐT đáp ứng yêu cầu triển khai Đề án dạy và học ngoại ngữ trong hệ thống giáo dục quốc dân tại trường.

- Tăng cường công tác kiểm tra, tự kiểm tra, đánh giá giáo viên theo chuẩn nghề nghiệp nhằm nâng cao chất lượng giảng dạy của giáo viên. Định kỳ đánh giá chất lượng hoạt động của cán bộ giáo viên thông qua các tiêu chí về hiệu quả, đóng góp cụ thể của cán bộ giáo viên đối với sự phát triển của nhà trường. Trên cơ sở đó đề bạt, khen thưởng đối với những cán bộ giáo viên, nhân viên có thành tích xuất sắc.

- Quan tâm việc đổi mới sinh hoạt tổ chuyên môn theo hướng nghiên cứu bài học, sinh hoạt chuyên môn trên trang “trường học kết nối”, duy trì việc tổ chức các chuyên đề cấp thành phố, cấp trường, cụm trường, tổ chức thao giảng, hội giảng, thi giáo viên dạy giỏi, giáo viên chủ nhiệm giỏi.

- Tạo môi trường làm việc năng động, thi đua lành mạnh, đề cao tinh thần hợp tác và chia sẻ với những điều kiện làm việc tốt nhất để mỗi cán bộ, giáo viên, nhân viên cống hiến và gắn kết với nhà trường.

#### **2.4. Nhóm giải pháp nâng cao chất lượng giáo dục toàn diện:**

- Xây dựng và triển khai kế hoạch giáo dục của nhà trường theo định hướng phát triển phẩm chất và năng lực học sinh, mục tiêu giáo dục phù hợp với điều kiện đảm bảo chất lượng của nhà trường. Thực hiện thường xuyên, hiệu quả các phương pháp, hình thức và kỹ thuật dạy học tích cực; đổi mới phương thức kiểm tra đánh giá học sinh, đổi mới hình thức dạy học.

- Tổ chức hoạt động nghiên cứu khoa học, từng bước tổ chức dạy học các môn khoa học theo bài học STEM, tổ chức hoạt động trải nghiệm STEM theo từng chủ đề, thực hiện nguyên tắc : Học thông qua hành; tăng cường tính giao lưu, hợp tác nhằm thúc đẩy học sinh hứng thú học tập, rèn luyện kỹ năng sống, bổ sung hiểu biết về các giá trị văn hóa truyền thống dân tộc và tinh hoa văn hóa thế giới.

- Đổi mới, cải tiến mạnh mẽ các tiết học ngoài giờ lên lớp, tạo không gian học tập ngoài lớp học... Đổi mới các hoạt động giáo dục, hoạt động tập thể, các hoạt động trải nghiệm, hoạt động xã hội, gắn học với hành, lý thuyết với thực tiễn; giúp học sinh có mục tiêu sống đúng, có được những kỹ năng sống cơ bản.

- Quan tâm công tác giáo dục mũi nhọn, phát hiện và bồi dưỡng học sinh giỏi, học sinh năng khiếu, nâng cao thành tích thi học sinh giỏi các cấp. Phát động sâu, rộng cuộc sáng tạo khoa học kỹ thuật; hướng dẫn cho học sinh khai thác nguồn học liệu mở; tăng cường phụ đạo học sinh còn hạn chế về năng lực, nhận thức nhằm nâng cao chất lượng giáo dục.

- Định kỳ rà soát, đổi mới, kiểm định chất lượng chương trình giáo dục, nội dung và phương pháp giảng dạy theo xu hướng linh hoạt, hiện đại phù hợp với đổi mới giáo dục.

- Xây dựng hệ thống kế hoạch hoạt động trong nhà trường bám sát hướng dẫn thực hiện nhiệm vụ của ngành, triển khai và đôn đốc thực hiện nghiêm túc các loại văn bản theo đúng hướng dẫn chỉ đạo của chuyên môn cấp trên.

- Bồi dưỡng kỹ năng tư duy cho học sinh để mở rộng và nâng cao kiến thức các môn học.

#### **2.5. Nhóm giải pháp nâng cao chất lượng CSVC:**

Tăng cường cơ sở vật chất đáp ứng tốt cho các hoạt động giáo dục trong trường. Cụ thể:

- Tham mưu phòng Giáo dục và Đào tạo, chính quyền địa phương đề xuất với ủy ban nhân dân tỉnh, Sở GD&ĐT, ủy ban nhân dân thành phố đầu tư CSVC cho phòng học bộ môn, phòng chức năng đảm bảo đúng tiêu chuẩn cơ sở vật chất của trường đạt chuẩn quốc gia, đáp ứng chương trình Giáo dục phổ thông mới.

| Năm học                                       | 2020-2021                                                                                                                 | 2021-2022 | 2022-2023 | 2023 -2024 | 2024-2025 |
|-----------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------|-----------|------------|-----------|
| Số phòng học Âm nhạc                          |                                                                                                                           | 01        |           | 02         | 02        |
| Số phòng học Mĩ thuật                         |                                                                                                                           | 01        |           | 02         | 02        |
| Số phòng học thông minh                       | 7                                                                                                                         | 0         | 0         | 0          | 0         |
| Phòng học ngoại ngữ                           | 01                                                                                                                        |           |           |            |           |
| Phòng bộ môn KHTN                             |                                                                                                                           | 01        | 01        | 2          | 2         |
| Phòng bộ môn KHXH                             |                                                                                                                           | 01        | 01        | 1          | 1         |
| Số lượng bàn ghế học sinh<br>02 chỗ ngồi (bộ) |                                                                                                                           | 60        | 20        | 50         | 50        |
| Số lượng bàn ghế giáo viên<br>(bộ)            |                                                                                                                           | 05        |           | 05         | 2         |
| Phòng trải nghiệm                             |                                                                                                                           | 01        |           |            |           |
| Thư viện                                      |                                                                                                                           | 01        |           |            | 1         |
| Hệ thống Camera giám sát                      | - Các phòng học, phòng làm việc, phòng chức năng, khu vực hành lang lớp học, sân trường, cổng trường, nhà xe, nhà đa năng |           |           |            |           |

- Tiếp tục đầu tư máy tính và các thiết bị đảm bảo cho việc ứng dụng CNTT, xây dựng mạng thông tin quản lý giữa giáo viên, các tổ chuyên với nhà trường liên thông qua hệ thống nối mạng Internet.

#### 2.6. Nhóm giải pháp về tài chính.

- Xây dựng kế hoạch hoạt động hàng năm của nhà trường, tổ chuyên môn, các đoàn thể.

- Xây dựng cơ chế tài chính theo hướng tự chủ, hạch toán và minh bạch các nguồn thu chi theo quy định.

- Đẩy mạnh xã hội hoá giáo dục, tìm kiếm sự hỗ trợ tài chính từ các tổ chức, cá nhân khác.

- Đảm bảo các quyền lợi hợp pháp của cán bộ, giáo viên, nhân viên và học sinh.

#### **2.7. Nhóm giải pháp về phối hợp với CMHS.**

- Tiếp tục hoàn thiện quy chế phối hợp giữa ban đại diện CMHS và nhà trường trong thông tin giáo dục, quản lý học sinh, khen thưởng và xử lý kỉ luật học sinh.

#### **2.8. Nhóm giải pháp về công tác truyền thông.**

Tăng cường công tác tuyên truyền các hoạt động, các giải pháp và sự phối hợp của các lực lượng xã hội gắn với nhiệm vụ giáo dục toàn diện học sinh. Cụ thể:

- Hiện đại và khai thác có hiệu quả website của trường, phát huy hiệu quả chương trình phát thanh măng non. Cung cấp các thông tin về hoạt động giáo dục của trường tới nhân dân, chính quyền địa phương, cha mẹ học sinh...

- Khuyến khích cán bộ giáo viên tham gia tích cực vào các sự kiện, các hoạt động của cộng đồng và của ngành.

- Xây dựng thương hiệu và tín nhiệm của xã hội đối với nhà trường. Coi chất lượng giáo dục, đặc biệt là chất lượng học sinh giỏi và chất lượng tuyển sinh vào các trường THPT.

- Phát huy truyền thống nhà trường, nêu cao tinh thần trách nhiệm của mỗi thành viên đối với quá trình xây dựng thương hiệu của nhà trường.

#### **2.9. Lộ trình thực hiện kế hoạch**

- Giai đoạn 1: Từ năm 2020 - 2023: Nâng cao chất lượng giáo dục toàn diện, duy trì trường THCS đạt chuẩn Quốc gia giai đoạn 2017-2022, đạt kiểm định chất lượng Cấp độ 1.

- Giai đoạn 2: Năm 2024: đạt kiểm định chất lượng giáo dục Cấp độ 2, đạt chuẩn quốc gia Mức độ 1. Từ năm 2024 - 2025: Tiếp tục duy trì giữ vững các tiêu chuẩn trường đạt chuẩn Quốc gia Mức độ 1, đạt kiểm định chất lượng Cấp độ 2, ổn định quy mô, phát triển chất lượng giáo dục toàn diện.

- Trên cơ sở tự đánh giá, Ban chỉ đạo phân công kiểm tra, đối chiếu với hoạt động thực tế để có kết luận và rút kinh nghiệm.

- Sau từng năm thực hiện: Hội đồng trường giám sát, đánh giá việc thực hiện kế hoạch, nhà trường tiến rà soát, bổ sung, điều chỉnh kế hoạch cho phù hợp với điều kiện thực tiễn.

## **V TỔ CHỨC THỰC HIỆN**

### **1. Đối với Hội đồng trường và các tổ chức, đoàn thể nhà trường**

**1.1. Đối với Hội đồng trường:** Quyết định về chiến lược, tầm nhìn, kế hoạch, mục tiêu phát triển của nhà trường; giám sát, đánh giá việc triển khai thực hiện Phương hướng Chiến lược phát triển của nhà trường; điều chỉnh chiến lược cho phù hợp với tình hình thực tiễn và nhiệm vụ của ngành, của địa phương tại mỗi thời điểm.

#### **1.2. Đối với Công đoàn cơ sở:**

- Trên cơ sở kế hoạch chiến lược của trường, xây dựng chương trình hoạt động phối hợp theo chức năng, nhiệm vụ, cùng nhà trường tổ chức thực hiện thành công thực hiện phương hướng chiến lược đề ra.

- Tăng cường công tác truyền thông, vận động công đoàn viên tích cực tham gia, đề xuất giải pháp để thực hiện thành công các mục tiêu, chỉ tiêu thực hiện phương hướng chiến lược.

#### **1.3. Đối với Đoàn thanh niên:**

Xây dựng chương trình hoạt động theo chức năng, nhiệm vụ, cùng nhà trường tổ chức thực hiện thành công kế hoạch chiến lược đề ra.

- Tăng cường công tác truyền thông, giáo dục cho lực lượng đoàn viên làm nòng cốt trong quá trình học tập và rèn luyện để nâng cao chất lượng, cùng xây dựng môi trường học tập văn minh, thân thiện.

#### **1.4. Đối với Ban đại diện cha mẹ học sinh**

Phối hợp cùng nhà trường trong công tác truyền thông, tuyên truyền đến cha mẹ học sinh về kế hoạch phát triển nhà trường, tham gia, hỗ trợ nhà trường trong việc nâng cao chất lượng giáo dục học sinh, xây dựng nhà trường theo mục tiêu kế hoạch đề ra.

### **2. Đối với Hiệu trưởng**

- Báo cáo Lãnh đạo địa phương về nội dung Bổ sung điều chỉnh Phương hướng Chiến lược phát triển nhà trường giai đoạn 2020-2025 đã được phê duyệt.

- Tuyên truyền rộng rãi nội dung Bổ sung điều chỉnh Phương hướng Chiến lược phát triển nhà trường giai đoạn 2020-2025 trên các phương tiện thông tin, truyền thông của trường.

- Triển khai nội dung Bổ sung điều chỉnh Phương hướng Chiến lược phát triển nhà trường giai đoạn 2020-2025 tới từng cán bộ, giáo viên, nhân viên nhà trường.

- Căn cứ Bổ sung điều chỉnh Phương hướng Chiến lược phát triển nhà trường, xác định các mục tiêu, chỉ tiêu, biện pháp trong Kế hoạch thực hiện nhiệm vụ mỗi năm học.

- Thành lập Ban chỉ đạo thực hiện kế hoạch chiến lược; tổ chức đánh giá kết quả thực hiện kế hoạch trong từng năm học, đề xuất những biện pháp để thực hiện hiệu quả mục tiêu, chỉ tiêu kế hoạch.

- Định kỳ rà soát để điều chỉnh, bổ sung kế hoạch cho phù hợp với tình hình thực tế của đơn vị và những thay đổi của cấp trên.

### **3. Đối với Phó Hiệu trưởng**

Tổ chức triển khai thực hiện từng phần việc cụ thể được giao phụ trách, đồng thời kiểm tra và đánh giá kết quả thực hiện, đề xuất những biện pháp để thực hiện thành công kế hoạch.

#### **4. Đối với Tổ trưởng chuyên môn**

Xây dựng kế hoạch thực hiện các chỉ tiêu đối với bộ môn và tổ chức thực hiện kế hoạch, có kiểm tra đánh giá việc thực hiện kế hoạch tại tổ. Đồng thời đề xuất các giải pháp để thực hiện phương hướng chiến lược.

#### **5. Đối với giáo viên, nhân viên**

Căn cứ kế hoạch chiến lược, kế hoạch năm học của nhà trường để xây dựng kế hoạch cá nhân theo từng năm học.

Thực hiện tốt các yêu cầu của công việc theo chức năng nhiệm vụ tại mỗi vị trí việc làm được đảm nhận.

Tham gia rút kinh nghiệm, đề xuất các giải pháp để thực hiện phương hướng chiến lược.

#### **V. KẾT LUẬN:**

Bản Bổ sung điều chỉnh Phương hướng Chiến lược phát triển trường THCS Bãi Cháy giai đoạn 2020-2025 là văn bản định hướng sự phát triển nhà trường tiếp tục trong 2 năm 2023 -2025; văn bản được điều chỉnh, bổ sung khi có các thay đổi về căn cứ xây dựng kế hoạch hoặc các vấn đề có liên quan.

Xây dựng và triển khai Kế hoạch Chiến lược của trường THCS Bãi Cháy là hoạt động có ý nghĩa quan trọng trong việc xây dựng và phát triển nhà trường. Tập thể sư phạm trường THCS Bãi Cháy quyết tâm xây dựng nhà trường phát triển vững mạnh về mọi mặt, góp phần xây dựng sự nghiệp giáo dục phường Bãi Cháy nói riêng và thành phố Hạ Long nói chung phát triển theo kịp yêu cầu phát triển kinh tế, xã hội của đất nước.

#### **Nơi nhận:**

- Phòng GD&ĐT (báo cáo);
- UBND phường Bãi Cháy (báo cáo);
- Lãnh đạo trường (chỉ đạo);
- BCH Công đoàn, ban đại diện CMHS (phối hợp);
- Các tổ chuyên môn (thực hiện);
- Lưu VP.

HIỆU TRƯỞNG



Lưu Thị Huyền